

Số: 331 /SGDĐT-KHTC

Phú Yên, ngày 06 tháng 6 năm 2018

V/v thực hiện xây dựng Báo cáo
kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo
và dự toán NSNN năm 2019

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 2335/BGDĐT-KHTC ngày 05/6/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng Báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán NSNN năm 2019, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo và dự toán ngân sách lĩnh vực giáo dục đào tạo năm 2019 với các nội dung như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 và ước thực hiện kế hoạch 2018

1. Đánh giá chung tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Tóm tắt tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2018 của địa phương có ảnh hưởng đến phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là nguồn lực thực hiện (*thuận lợi, khó khăn; cân đối thu, chi ngân sách, tỷ lệ ngân sách chi cho giáo dục trên tổng chi ngân sách địa phương; tình hình bố trí ngân sách để thực hiện các dự án lớn của ngành, địa phương*).

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo

2.1. Đánh giá tóm tắt tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

- Chỉ tiêu chủ yếu theo hệ thống chỉ tiêu kinh tế-xã hội giai đoạn 2016-2020 của địa phương (*Tình hình thực hiện tuyển mới các cấp học, quy mô trẻ mầm non, học sinh các cấp học; tỷ lệ đi học so với dân số trong độ tuổi mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; trẻ em ngoài nhà trường phân luồng học sinh phổ thông*).

- Các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến giáo dục đào tạo; chỉ tiêu đặc thù do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp giao.

- Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển (số lượng, chất lượng) của các bậc học từ mầm non đến THPT; các chỉ tiêu thực hiện đạt được năm 2017-2018.

- Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu trong năm học 2017-2018, các chỉ tiêu đã thực hiện tăng/giảm so với năm học trước và so với kế hoạch năm 2018-2019 và đến năm 2020, trong đó ngoài đánh giá các chỉ tiêu về số lượng (quy mô, số trường, số lớp,..) cần đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu chất lượng giáo dục, đào tạo ở các cấp học (*tỷ lệ nhập học, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn; tỷ lệ trường đạt chuẩn;....*)

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2017-2018 theo Chỉ thị số 2699/CT-BGDĐT ngày 08/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.2.1. Đối với 9 nhiệm vụ trọng tâm (*Đánh giá tình hình thực hiện theo các nội dung: kết quả thực hiện, hạn chế, khó khăn; kiến nghị và đề xuất*).

a) Về quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, quy mô học sinh, cơ cấu trình độ và ngành nghề đào tạo (mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc địa phương quản lý): *Đánh giá kết quả, thuận lợi, khó khăn trong việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh, triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, số trường.*

b) Tình hình phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (*thuận lợi, khó khăn; thừa, thiếu, cơ cấu trình độ giáo viên, giảng viên theo cấp học, trình độ đào tạo và giải pháp khắc phục...*).

Đánh giá tình hình tổ chức quán triệt, nâng cao nhận thức của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về chủ trương đổi mới giáo dục – đào tạo và hội nhập quốc tế; việc xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; việc tổ chức rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực đội ngũ ngành giáo dục tại địa phương; việc triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục.

c) Công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông

Đánh giá chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo; chất lượng giáo dục đối với học sinh học 2 buổi/ngày; công tác phổ cập giáo dục, chống mù chữ; tình trạng học sinh bỏ học; đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS); thống kê số liệu học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm không vào THPT và bỏ túc THPT.

d) Nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học ngoại ngữ

- Đánh giá việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh trung học; đổi mới hình thức tổ chức dạy học, các hoạt

động trải nghiệm sáng tạo, dạy học gắn với sản xuất kinh doanh; đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, kết hợp đánh giá thương xuyên với đánh giá định kỳ, cho điểm và nhận xét, đánh giá qua các sản phẩm học tập của học sinh.

- Đánh giá các giải pháp nâng cao chất lượng dạy – học ngoại ngữ;

đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục: Đánh giá các điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục; tình hình tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trên mạng; công tác tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện các văn bản về công nghệ thông tin của Bộ, Chính phủ; tình hình chỉ đạo và sử dụng sổ sách điện tử trong các nhà trường; tổ chức họp giao ban, hội thảo, giảng dạy, tập huấn và liên kết đào tạo từ xa qua mạng giáo dục; công tác bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; công tác đầu tư hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; triển khai kết nối internet,...

e) Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục đại học: Đánh giá việc đổi mới quản lý việc thực hiện chương trình đào tạo và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục, đào tạo...

g) Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo: Đánh giá mô hình giáo dục tiên tiến, chương trình giảng dạy, sách giáo khoa, kiểm tra, đánh giá học sinh thí điểm tại địa phương.

h) Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo.

i) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao: Đánh giá chất lượng.

2.2.2. Đối với 05 giải pháp

Đánh giá việc triển khai các nội dung liên quan đến giáo dục ở các cấp học từ các giải pháp (*nêu rõ kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân*).

a) Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo: Việc chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý và cải cách thủ tục hành chính ở các cơ sở giáo dục...

b) Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp: Đánh giá việc bồi dưỡng năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý...

c) Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo.

d) Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục: Việc đổi mới phương pháp, hình thức đánh giá kết quả giáo dục của học sinh; xây dựng trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục....

d) Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo: Đánh giá việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về đổi mới giáo dục và đào tạo nhằm tạo động lực cho cán bộ quản lý, giáo viên và đồng thuận của phụ huynh học sinh, cộng đồng trong phát triển giáo dục, đào tạo ở địa phương.

2.2.3. Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với học sinh, sinh viên; chính sách đối với giáo viên, giảng viên; chính sách đối với cơ sở giáo dục; các nội dung về đổi mới cơ chế, chính sách tài chính giáo dục và đào tạo: Phân bổ ngân sách, đào tạo giáo viên,...; chính sách đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập; hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; các vướng mắc hiện nay kiến nghị sửa đổi: Ở khâu ban hành, ở khâu thực hiện...

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước

3.1. Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách chi thường xuyên; định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên/học sinh, sinh viên công lập; tỷ lệ chi giảng dạy học tập so với tổng chi sự nghiệp giáo dục (*Chú ý đánh giá được tỷ lệ chi lương, chi hoạt động chuyên môn, định mức chi ngân sách/học sinh*); Đánh giá việc thực hiện xã hội hóa giáo dục (*thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được và đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung chính sách hiện hành*).

3.2. Đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục- đào tạo (*chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ...*)

Đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2018 (*có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính*).

d) Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục: Việc đổi mới phương pháp, hình thức đánh giá kết quả giáo dục của học sinh; xây dựng trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục....

đ) Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo: Đánh giá việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về đổi mới giáo dục và đào tạo nhằm tạo động lực cho cán bộ quản lý, giáo viên và đồng thuận của phụ huynh học sinh, cộng đồng trong phát triển giáo dục, đào tạo ở địa phương.

2.2.3. Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với học sinh, sinh viên; chính sách đối với giáo viên, giảng viên; chính sách đối với cơ sở giáo dục; các nội dung về đổi mới cơ chế, chính sách tài chính giáo dục và đào tạo: Phân bổ ngân sách, đào tạo giáo viên,...; chính sách đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập; hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; các vướng mắc hiện nay kiến nghị sửa đổi: Ở khâu ban hành, ở khâu thực hiện...

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước

3.1. Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách chi thường xuyên; định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên/học sinh, sinh viên công lập; tỷ lệ chi giảng dạy học tập so với tổng chi sự nghiệp giáo dục (*Chú ý đánh giá được tỷ lệ chi lương, chi hoạt động chuyên môn, định mức chi ngân sách/học sinh*); Đánh giá việc thực hiện xã hội hóa giáo dục (*thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được và đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung chính sách hiện hành*).

3.2. Đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục- đào tạo (*chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ...*)

Đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2018 (*có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính*).

3.3. Về các chương trình, dự án do ngân sách Trung ương hỗ trợ:

- Đánh giá tình hình thực hiện, thuận lợi, khó khăn trong việc triển khai các chương trình, dự án tại địa phương (*Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững; Chương trình Kiên cố hóa trường, lớp học giai đoạn 2016-2020*); đặc biệt việc thực hiện dồn dịch các điểm trường theo NQ19/NQ-TU, ngày 25/10/2017 ảnh hưởng đến danh mục các trường được thụ hưởng Chương trình kiên cố hoá trường lớp học GD 2016-2020); Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng và tiến độ giải ngân vốn đối ứng địa phương);

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công theo Luật đầu tư công; tiến độ thực hiện các công trình, dự án thuộc nguồn vốn địa phương (*khó khăn, thuận lợi trong việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học*);

II. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2019 (năm học 2019 - 2020)

1. Căn cứ, định hướng xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019

- Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã được Quốc hội thông qua và các điều kiện thực tế, địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

- Căn cứ số liệu về biến động dân số, các địa phương triển khai xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo, dự báo nhu cầu về số lượng học sinh, sinh viên, tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường. Từ đó làm căn cứ xây dựng quy hoạch các cơ sở giáo dục - đào tạo, quy hoạch nguồn nhân lực của từng địa phương.

- Căn cứ tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo của địa phương năm 2018, địa phương triển khai xây dựng kế hoạch năm 2019 cần đảm bảo tính bao quát, khả thi, gắn với nguồn lực để thực hiện, là công cụ quan trọng để quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

Năm 2019, ngành giáo dục cần tập trung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục

phổ thông. Nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; tăng cường giáo dục kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với yêu cầu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo nghề đáp ứng các xu thế công nghệ sản xuất mới; Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học, nhất là trường ngoài công lập. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Rà soát và điều chỉnh quy hoạch lại mạng lưới các trường đại học, trường sư phạm và mạng lưới giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh tự chủ trong các cơ sở giáo dục đại học

2. Nội dung xây dựng Kế hoạch

2.1. Trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu của địa phương đặt ra trong kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2019:

- Nêu các mục tiêu chủ yếu và nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch theo thứ tự lựa chọn ưu tiên.

- Xác định các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch theo từng nội dung.

- Các chỉ tiêu kế hoạch phải được xây dựng theo chỉ tiêu đầu vào, chỉ tiêu đầu ra, chỉ tiêu kết quả và theo nguyên tắc bảo đảm tính khoa học, khả thi, cụ thể, đánh giá được, có khung thời gian thực hiện; Đi kèm với từng mục tiêu, chỉ tiêu nêu ngắn gọn về bối cảnh, phân tích, cân nhắc để lựa chọn mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đó.

- Thực hiện lồng ghép các chỉ tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Kế hoạch của địa phương được phê duyệt vào quá trình xây dựng báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương năm 2019

2.2. Xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của các cấp học và trình độ đào tạo của địa phương, của ngành năm học 2018-2019.

2.2.1. Tiếp tục thực hiện 9 nhiệm vụ trọng tâm và 5 giải pháp theo chỉ thị năm học 2017-2018. Cụ thể:

Đối với 9 nhiệm vụ trọng tâm:

- Mạng lưới, Quy mô, tuyển mới học sinh, sinh viên: Đánh giá về việc thực hiện rà soát, quy hoạch phân bố, sắp xếp mạng lưới, quy mô trường lớp các cơ sở giáo dục.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

- Phân luồng học sinh phổ thông;

- Nâng cao chất lượng giáo dục;
- Tăng cường tự chủ trong giáo dục đào tạo;
- Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ;
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, nghiên cứu;
- Hợp tác quốc tế và đào tạo với nước ngoài;
- Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo;
- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Và tiếp tục thực hiện 5 giải pháp:

- Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo;
- Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp;
- Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo;
- Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục;
- Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo.

2.2.2. Định hướng về các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng Chỉ thị năm học 2018-2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*ngoài 09 nhiệm vụ và 05 giải pháp năm học 2017-2018*).

2.3. Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách năm 2019

Trên cơ sở kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo năm học 2018- 2019 và các định mức, chế độ, chính sách hiện hành. Trong đó cần lưu ý một số nội dung khi xây dựng dự toán NSNN năm 2019:

a) Xây dựng dự toán thu: Đối với khoản thu học phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định. Báo cáo thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

b) Đối với dự toán chi: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2019, kèm theo thuyết

minh cụ thể căn cứ tính toán; Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT theo lộ trình.

2.4 Lập kế hoạch tài chính- NSNN 3 năm 2019-2021

Thực hiện đúng Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (Thông tư số 69/2017/TT-BTC).

2.5. Kiến nghị: Đề xuất các kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, các cấp, các ngành.

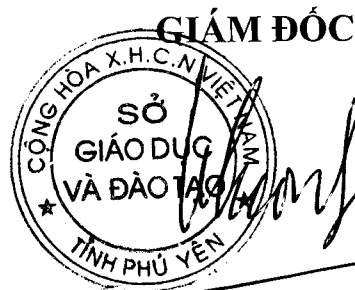
Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán ngân sách giáo dục năm 2019.

Báo cáo kèm theo biểu mẫu gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Kế hoạch Tài chính), đồng thời gửi vào email nguyenvanngoi@phuyen.edu.vn trước ngày 20/6/2018 để phục vụ cho việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch phát triển giáo dục toàn ngành./.

Lưu ý: Sở Giáo dục và Đào tạo đã gửi file biểu mẫu vào email của các phòng Giáo dục và Đào tạo; các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện năm 2017 về quy mô trường, lớp, giáo viên tính tại thời điểm cuối năm học 2017-2018.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.



Phạm Văn Cường